

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG THU                       | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM) | SO SÁNH (%) |
|-----|------------------------------------|-------------|-----------------------------------|-------------|
| A   | B                                  | 1           | 2                                 | 3 = 2/1     |
| I   | TỔNG SỐ THU                        | 10.945.000  | 1.811.765                         | 16,55       |
| 1   | Các khoản thu xã hưởng 100 %       | 38.000      | 5.509                             | 14,5        |
| 2   | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 6.937.000   | 36.415                            | 0,52        |
| 3   | Thu bổ sung                        | 3.970.000   | 1.562.804                         | 39,37       |
|     | - Bổ sung cân đối ngân sách        | 3.970.000   | 1.270.000                         | 31,99       |
|     | - Bổ sung có mục tiêu              |             | 292.804                           |             |
| 4   | Thu chuyển nguồn                   |             | 207.037                           |             |
| II  | TỔNG SỐ CHI                        | 16.984.350  | 1.696.298                         | 9,99        |
| 1   | Chi đầu tư phát triển              | 6.600.000   |                                   |             |
| 2   | Chi thường xuyên                   | 10.296.250  | 1.696.298                         | 16,47       |
| 3   | Dự phòng                           | 88.100      |                                   |             |

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.